

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST

Ngày 21/02/2019.

*“V/v Tranh chấp
về hôn nhân và gia đình”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Long Ca.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và ông Lưu Ngọc Khoa.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 02 năm 2019 tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2019/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2019 về việc: *“Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-DS, ngày 01 tháng 02 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Thôn Đ M R, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đ N - Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn Đ M R, xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đ N – Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện ngày 09 tháng 01 năm 2019 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Nguyễn Văn B trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và chị Đỗ Thị T đến và chung sống với nhau từ ngày 08 tháng 8 năm 2011, khi đến chung sống với nhau chúng tôi hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc hay lừa dối gì nhau. Chúng tôi đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đ N.

Trong quá trình chung sống cả hai vợ chồng sống rất hạnh phúc. Đến năm 2014 không còn được hạnh phúc như xưa và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cả hai thường xuyên cãi vã nhau. Nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống đến ngày 29 tháng 4 năm 2014 chị T đã bỏ nhà đi từ đó đến nay không biết đi đâu, làm gì và tôi cũng không có bất cứ tin tức gì về chị T. Khi đi chị T không đăng ký tạm vắng với chính quyền địa phương.

Ngày 23 tháng 5 năm 2018 tôi đã làm thủ tục “*Thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú*” đối với chị Đỗ Thị T và con Nguyễn Đỗ Thanh X tại Đài TNVN khu vực T N, nội dung nhấn tìm chị T và con trong 03 số liên tiếp nhưng đến nay vẫn không có tin tức gì về vợ và con tôi.

Trong năm 2018 tôi tiếp tục làm thủ tục “*Yêu cầu tuyên bố một người mất tích*” đến ngày 24/12/2018 tôi được Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức mở phiên họp và đồng ý.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy tôi làm đơn này yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức giải quyết cho tôi được ly hôn với vợ tôi Đỗ Thị T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống tôi và chị T có một con chung tên Nguyễn Đỗ Thanh X, sinh ngày 26/7/2013. Hiện nay con Nguyễn Đỗ Thanh X đang mất tích cùng với chị T. Vì vậy tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu quan điểm về trình tự thủ tục tố tụng và hướng xử lý vụ án:

Thẩm phán chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thiết lập hồ sơ và thu thập chứng cứ đúng trình tự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, xét xử đúng nguyên tắc. Căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn nên cần xem xét giải quyết cho ly hôn.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147-BLTTDS năm 2015; khoản 2 Điều 56 Luật HNGĐ; khoản 2 Điều 68-BLDS; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14.

Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn B, cho anh Nguyễn Văn B được ly hôn với chị Đỗ Thị T.

Về con chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí HNGĐ sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án là đúng quy định pháp luật; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, bị đơn cùng có địa chỉ tại xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đ N. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39-Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã lấy lời khai của anh B và tiến hành thu thập các tài liệu chứng cứ như “*Yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt nơi cư trú*” và Quyết định “*Yêu cầu tuyên bố một người mất tích*” đồng thời thụ lý giải quyết vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 68-Bộ luật dân sự 2015.

[3] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn B và chị Đỗ Thị T khi đến với nhau là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc hay lừa dối gì nhau, cả hai làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Do đó quan hệ hôn nhân giữa anh B và chị T là hợp pháp. Quá trình chung sống do hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn với nhau nên không tôn trọng nhau, dẫn đến mâu thuẫn càng ngày càng trầm trọng hơn. Anh B xác định tình cảm vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ; anh B và chị T đã sống ly thân với nhau từ ngày 29 tháng 4 năm 2014 cho đến nay. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh B và chị T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên anh B làm đơn xin được ly hôn với chị T.

[4] Về quan hệ pháp luật: Anh B và chị T đến và chung sống với nhau từ năm 2011 có đăng ký kết hôn số 63/2011, ngày 08 tháng 8 năm 2011 tại UBND xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đ N. Như vậy có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa anh Nguyễn Văn B và chị Đỗ Thị T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nên vụ án này có quan hệ pháp luật là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 - Bộ luật tố tụng dân sự.

[5] Anh Nguyễn Văn B nộp đơn xin ly hôn với chị Đỗ Thị T và cho rằng giữa anh và chị T đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn làm cuộc sống chung không hạnh phúc. Vì vậy, vợ chồng thường xảy ra cãi vã, chửi bới nhau làm cuộc sống chung mâu thuẫn trầm trọng. Đến ngày 29 tháng 4 năm 2014 chị T đã bỏ nhà đi từ đó đến nay không biết đi đâu, làm gì. Điều này cho thấy “Tình trạng hôn nhân giữa anh B và chị T là mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu xin ly hôn của anh B là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, HĐXX cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn B.

[6] Trong thời gian chung sống anh Nguyễn Văn B và chị Đỗ Thị T có 01 con chung là Nguyễn Đỗ Thanh X, sinh ngày 26/7/2013. Hiện nay cháu Nguyễn Đỗ Thanh X đang mất tích cùng với chị Đỗ Thị T, anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

[8] Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 203, Điều 228, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56 - Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn B với chị Đỗ Thị T. Anh Nguyễn Văn B được ly hôn với chị Đỗ Thị T. Giấy chứng

nhận kết hôn số 63/2011, ngày 08 tháng 8 năm 2011 do Ủy ban nhân dân xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đ N cấp không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Văn B phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ vào số tiền anh B đã nộp theo biên lai số 0000654, ngày 15 tháng 01 năm 2019, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND H. Tuy Đức;
- Chi cục THA DS huyện Tuy Đức;
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ vụ án.

Phan Long Ca